

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP SUỐT ĐỜI CỦA SINH VIÊN KHOA NÔNG HỌC, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Trần Thanh Hải, Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Nhâm\*

*Khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: ntnham@vnua.edu.vn*

Ngày nhận bài: 09.10.2023

Ngày chấp nhận đăng: 05.01.2024

## TÓM TẮT

Nghiên cứu được tiến hành nhằm đánh giá thực trạng và đề ra giải pháp thúc đẩy hoạt động học tập suốt đời của sinh viên Khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Kết quả khảo sát sinh viên, cựu sinh viên và giảng viên Khoa Nông học cho thấy, các học phần trong chương trình đào tạo và hoạt động ngoại khóa đã trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể tự nghiên cứu, tự học tập suốt đời. Cần tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong dạy và học, tổ chức đa dạng các hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa, các hoạt động ngoại khóa, hoạt động cộng đồng, đồng viên, khuyến khích sinh viên tham gia giao lưu doanh nghiệp, tăng cường thời lượng thực hành, tổ chức nhiều hơn nữa các lớp tập huấn phương pháp học tập tích cực, tự học, tự trau dồi, nghiên cứu cho sinh viên để phát triển hơn nữa năng lực học tập suốt đời cho sinh viên.

Từ khóa: Học tập suốt đời, tự học, sinh viên Khoa Nông học.

## Current Situation and Solutions to Promote Lifetime Learning of Students of the Faculty of Agronomy, Vietnam National University of Agriculture

### ABSTRACT

The study was conducted to evaluate the current situation and propose solutions to promote lifelong learning activities of students of the Agronomy Faculty, Vietnam National University of Agriculture. Survey results of students, alumni and lecturers of the faculty of agronomy showed that the courses in the training program and extracurricular activities are fully equipped with the necessary knowledge and skills so that students can research and self-study. It is necessary to strengthen the application of digital transformation in teaching and learning, organize a variety of exchange activities, cultural exchanges, extracurricular activities, community activities, and motivate and encourage students to participate in business exchanges, increase practice time, organize more training classes on active learning methods, self-study, self-improvement, and research for students to further develop students' life skills capacity.

Keywords: Lifelong learning, self-study, Agronomy's students.

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục đại học hiện nay đang đứng trước thách thức cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Trong giai đoạn hiện nay, sự phát triển nhanh chóng về khoa học công nghệ đã tác động mạnh đến hầu hết các lĩnh vực trên toàn thế giới. Một mặt, những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp sinh viên (SV) được học từ trường đại học còn hạn chế và có thể thích ứng kém với môi trường

làm việc mới (Đặng Hải Đăng, 2020). Mặt khác, với sự phát triển nhanh chóng của xã hội, SV có xu hướng muốn học nhanh, học cho xong để có thể sớm xin được việc làm và kiếm được tiền, ổn định cuộc sống mà ít có ý thức tiếp tục học tập sau khi đã tốt nghiệp. Trong khi đó, thị trường lao động yêu cầu SV mới tốt nghiệp phải chủ động học hỏi, nhanh thích ứng với công việc và các lĩnh vực mới. Theo đó, mỗi cá nhân phải học tập không ngừng để theo kịp và thích ứng được với những thay đổi trong công việc, cuộc sống,

và xã hội (Đỗ Thị Thanh Huyền & Nguyễn Ái Minh Phương, 2021). Do vậy, nhiệm vụ của giáo dục đại học không chỉ tập trung vào việc cung cấp kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho SV mà còn cần tập trung hướng dẫn SV phương pháp tự học và phát triển năng lực cần thiết để có thể học tập suốt đời (HTSD).

HTSD là thuật ngữ dùng để chỉ các hoạt động học tập được thực hiện trong suốt cuộc đời, học tập linh hoạt, đa dạng, học tại các thời điểm và nhiều nơi khác nhau từ trường học đến nơi làm việc và ngoài cuộc sống. HTSD là thực sự cần thiết để luôn thu nhận kiến thức, kỹ năng giúp mỗi cá nhân nâng cao tay nghề, duy trì công việc và thích ứng được với những đổi thay của xã hội (European Commission, 2018). HTSD không chỉ là vấn đề phát triển một cá nhân mà được quan tâm của các tổ chức giáo dục trên toàn thế giới và các cơ quan, tổ chức quốc tế như UNESCO, Ủy ban Liên minh châu Âu hay Ngân hàng Thế giới. Trong chương trình giáo dục đại học, HTSD không chỉ được đánh giá qua một tiêu chí cụ thể trong khung đảm bảo chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo (tiêu chí 4.3), của AUN-QA (tiêu chí 3.4), và của ABET (đề cập đến ở tiêu chuẩn 3 - student outcomes) mà còn là một yêu cầu xuyên suốt chương trình học (Đỗ Khoa Thúy Kha, 2022). Các trường đại học ngày càng chú trọng các năng lực HTSD của SV như kỹ năng sử dụng công nghệ, kỹ năng học và tự học, tư duy sáng tạo và khởi nghiệp, năng lực thích ứng với thế giới việc làm (Phạm Thị Lan Phương, 2021). Năng lực HTSD gồm năng lực đọc viết, năng lực đa ngôn ngữ; năng lực toán học, khoa học, công nghệ và kỹ thuật; năng lực kỹ thuật số; năng lực cá nhân, xã hội và năng lực học hỏi; năng lực công dân; năng lực kinh doanh; năng lực nhận thức và thể hiện văn hóa (Đỗ Khoa Thúy Kha, 2022). HTSD của SV phụ thuộc nhiều vào khả năng tự học, định hướng học, chương trình học, phương pháp và vai trò của giảng viên (Nguyễn Thị Bích Liễu, 2019; Trần Anh Hoa & cs., 2021; Lê Bảo Vi, 2023). Hoạt động HTSD thể hiện qua các hoạt động học tập học thuật (lồng ghép qua các học phần trong chương trình đào tạo) và phi học thuật (hoạt động tập thể, ngoại khóa, thiện nguyện,...).

Các ngành học liên quan đến nông nghiệp chịu tác động mạnh mẽ của khoa học công nghệ

và vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu, đặc biệt là các ngành nghề nông nghiệp dựa trên những thành tựu đột phá trong công nghệ thông tin, công nghệ nano, công nghệ sinh học,... như nông nghiệp thông minh, nông nghiệp sinh thái (Võ Khắc Sơn, 2018). Vấn đề biến đổi khí hậu toàn cầu đã và đang gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp (Wassman & cs., 2019). Do đó, chiến lược phát triển nông nghiệp cần chú trọng và linh hoạt hơn với những thích ứng của điều kiện sản xuất, ứng dụng các thành tựu nghiên cứu nhằm nâng cao sản lượng, đảm bảo an ninh lương thực, tăng chuỗi giá trị, vừa phát triển nông nghiệp bền vững. Do đó, doanh nghiệp lĩnh vực nông sản hiện nay đang rất “khát” nhân lực chất lượng cao, đội ngũ nhân lực vừa sử dụng tốt ngoại ngữ, năng động, trình độ chuyên môn cao, am hiểu quy định pháp luật và sẵn sàng học hỏi, thích ứng nhanh với thay đổi của xã hội. Khoa Nông học là khoa có truyền thống, lịch sử lâu đời của Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Trải qua 67 năm xây dựng và trưởng thành, Khoa Nông học đã có nhiều đóng góp chủ lực cho nông nghiệp nước nhà trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao các ngành Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật, Công nghệ Rau hoa quả và Cảnh quan. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, số lượng sinh viên chọn học các ngành thuộc khối Nông học giảm mạnh. Không những thế, số lượng sinh viên bỏ học, nghỉ học, bị buộc thôi học cũng tăng lên ảnh hưởng không nhỏ tới số lượng sinh viên đầu ra cống hiến cho ngành nông nghiệp sau này.

Nhu cầu xã hội cần nhiều, yêu cầu ngày càng cao trong khi số lượng sinh viên học tập và tốt nghiệp Khoa Nông học ngày càng giảm là lý do khiến chúng tôi tiến hành nghiên cứu nhằm đưa ra giải pháp thúc đẩy, động viên sinh viên đang theo học Khoa Nông học có thêm động lực học tập, có ý thức tự học, tự nghiên cứu, duy trì đam mê học tập ngay từ khi còn ngồi trên giảng đường Đại học cho tới suốt cuộc đời.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Thu thập số liệu

Số liệu thứ cấp về kết quả học tập, kết quả rèn luyện, và kết quả lấy ý kiến về chương trình

đào tạo được thu thập từ Ban Quản lý đào tạo, Ban Công tác chính trị và Công tác sinh viên trong vòng 5 năm trở lại đây (từ 2018 đến nay), dữ liệu được phân tích và xử lý thống kê đảm bảo độ tin cậy.

Khảo sát (qua phiếu) và phỏng vấn (trực tiếp) 3 nhóm đối tượng sau:

(i) 230 SV các ngành trong Khoa Nông học (Khoa học Cây trồng, Bảo vệ thực vật, Rau hoa quả và Cảnh quan, Nông nghiệp Công nghệ cao) thuộc các khoá 63, 64, 65, 66, 67. Trong đó khảo sát bằng phiếu tiến hành thu thập 10 sinh viên/lớp/ngành/khóa và phỏng vấn trực tiếp 3 sinh viên/lớp/ngành/khóa.

(ii) 30 Giảng viên Khoa Nông học (3 giảng viên/1 bộ môn)

(iii) 38 cựu SV Khoa Nông học (cựu sinh viên tốt nghiệp Khoa Nông học tốt nghiệp từ 3 năm đến 10 năm thuộc các ngành Khoa học Cây trồng, Bảo vệ thực vật và Rau hoa quả và Cảnh quan).

## 2.2. Phân tích kết quả

Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, phân tích giá trị trung bình đo mức đánh giá tương ứng (từ 1,0-1,8 điểm = không cần thiết/không quan trọng/Kém; từ 1,81-2,60 điểm = Ít cần thiết/Ít quan trọng/Yếu; từ 2,61-3,40 điểm = Tương đối cần thiết/Tương đối quan trọng/Trung bình; từ 3,41-4,2 điểm = Cần thiết/Quan trọng/Khá; từ 4,21-5,0 điểm = Rất cần thiết/Rất quan trọng/Tốt);

Số liệu được tính toán giá trị trung bình và độ lệch chuẩn bằng phần mềm Microsoft Excel 2021.

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

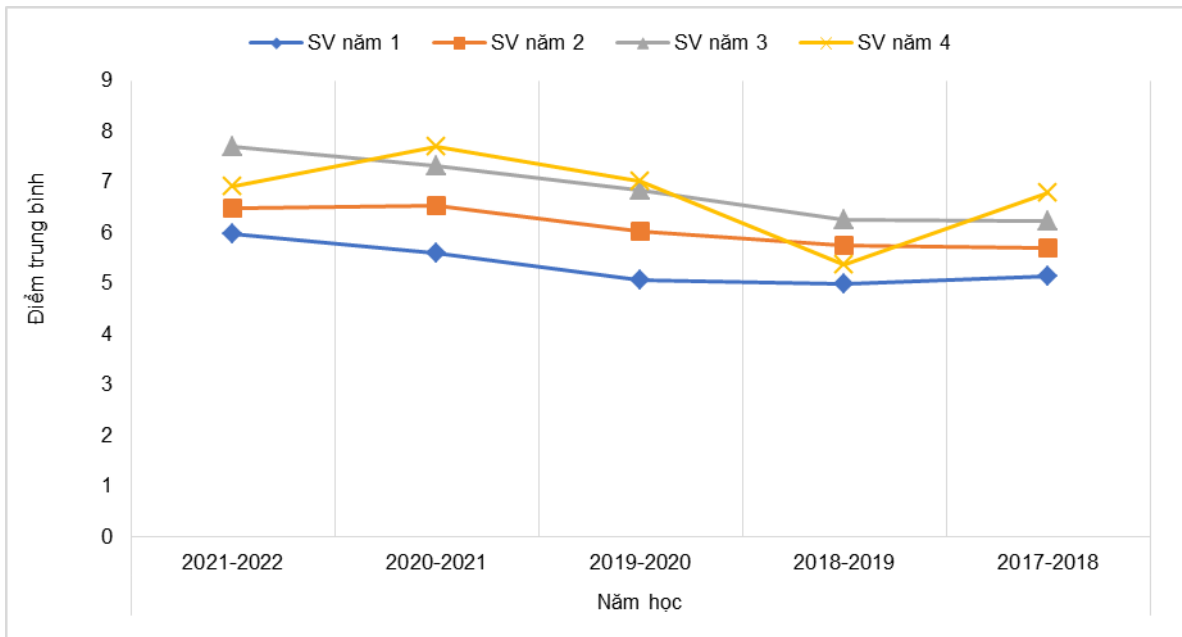
### 3.1. Kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên Khoa Nông học

Dữ liệu thu được từ ban Quản lý đào tạo (Hình 1) cho thấy, điểm trung bình tích lũy của SV tăng dần qua các năm học. Điều này có thể lý giải, SV năm đầu gặp khó khăn hơn trong quá trình học tập, có thể do SV chưa quen môi trường học, cách học và chưa có đủ kỹ năng học

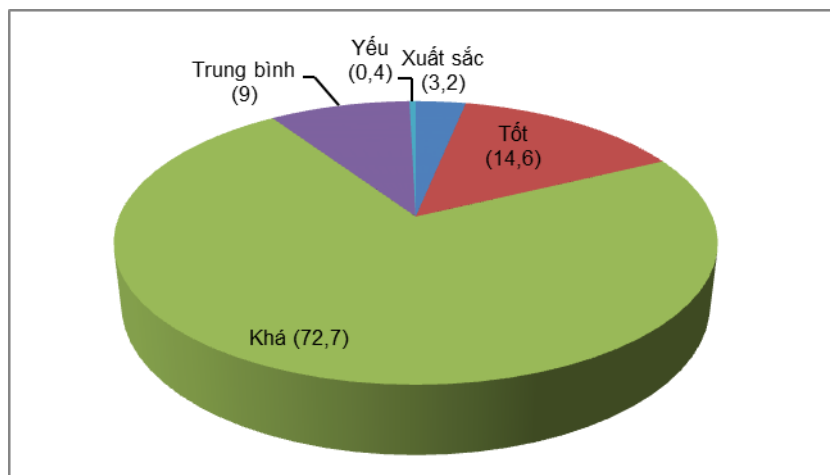
tập thích nghi với môi trường mới nên kết quả học tập chưa cao. Đến năm thứ 3 và năm thứ 4, kết quả học tập của SV cải thiện dần, chứng tỏ SV đã quen dần trong môi trường học tập bậc đại học, đã tích lũy kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng và quan trọng nhất SV có đủ kỹ năng tự học để tự hoàn thiện và nâng cao điểm số của mình. Quá trình tích lũy kiến thức, phát triển tư duy trong suốt quá trình học đại học là một năng lực quan trọng cho việc HTSD (Đỗ Khoa Thúy Kha, 2022).

Song song với đánh giá kết quả học tập, kết quả đánh giá rèn luyện của SV cũng được thực hiện hàng kỳ - ngay sau khi có kết quả học tập. Phiếu đánh giá rèn luyện bao gồm nhiều tiêu chí về ý thức chấp hành nội quy, quy chế của Học viện, ý thức và kết quả tham gia cá hoạt động chính trị xã hội, văn hóa thể thao, các hoạt động đóng góp ngoại khóa của SV. Kết quả ở hình 2 cho thấy, đa số SV được đánh giá xếp loại “khá” về rèn luyện, chiếm tỷ lệ 72,7%, có 3,2% xếp loại xuất sắc, 14,6% xếp loại tốt, chỉ có 0,4% xếp loại “yếu”. Như vậy, đa số SV Khoa Nông học tham gia tích cực các hoạt động ngoại khóa và đều có ý thức tốt trong học tập và nghiên cứu khoa học. Theo Đỗ Khoa Thúy Kha (2022), năng lực công dân, năng lực nhận thức và thể hiện văn hóa, năng lực toán học, khoa học, công nghệ và kỹ thuật là các năng lực quan trọng đóng góp vào hoạt động HTSD. Như vậy, đại bộ phận SV Khoa Nông học có các năng lực HTSD.

Năng lực HTSD của SV Khoa Nông học được Học viện và Khoa bồi đắp dần dần thông qua các hoạt động học thuật (lồng ghép vào các học phần trong chương trình đào tạo) và phi học thuật (hoạt động tập thể, ngoại khóa, thiện nguyện,... của Học viện, Khoa). Thông qua các hoạt động này, sinh viên dần được bồi đắp năng lực, kỹ năng HTSD của bản thân. Do đó, chúng tôi tiến hành nghiên cứu thực trạng của hoạt động HTSD của sinh viên Khoa Nông học thông qua lấy ý kiến tự đánh giá của sinh viên về năng lực ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, năng lực sử dụng công cụ kỹ thuật số, năng lực khởi nghiệp và kinh doanh, kỹ năng xã hội, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và tiếng Việt và kỹ năng tự học.



**Hình 1. Kết quả học tập trung bình của SV Khoa Nông học từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 (GPA hệ 10)**



**Hình 2. Kết quả điểm rèn luyện của SV Khoa Nông học 5 năm gần đây**

### 3.2. Năng lực ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản của sinh viên Khoa Nông học

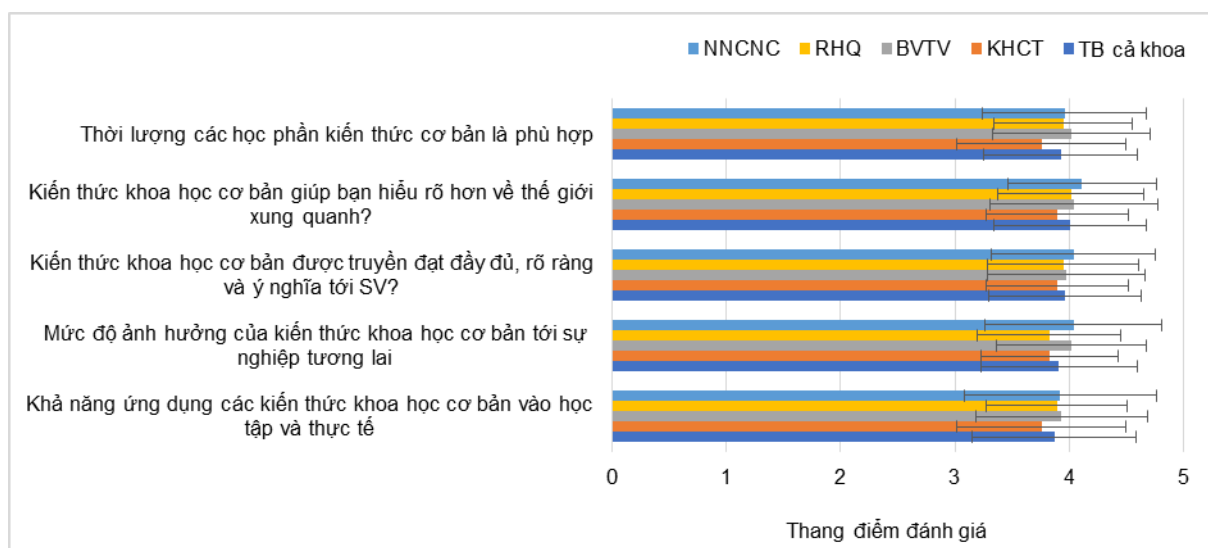
Kết quả ở hình 3 cho thấy, kiến thức khoa học cơ bản giúp SV hiểu rõ hơn về thế giới xung quanh (4.01), nhưng việc ứng dụng vào học tập và thực tế vẫn còn hạn chế (3.87). Qua phỏng vấn, sinh viên cũng cho biết mong muốn được có nhiều cơ hội hơn trải nghiệm thực tế của tại các doanh nghiệp, tổ chức trong lĩnh vực nông học để được áp dụng những kiến thức cơ bản đã học vào nghiên cứu khoa học và thực tế.

### 3.3. Năng lực sử dụng công cụ kỹ thuật số của sinh viên

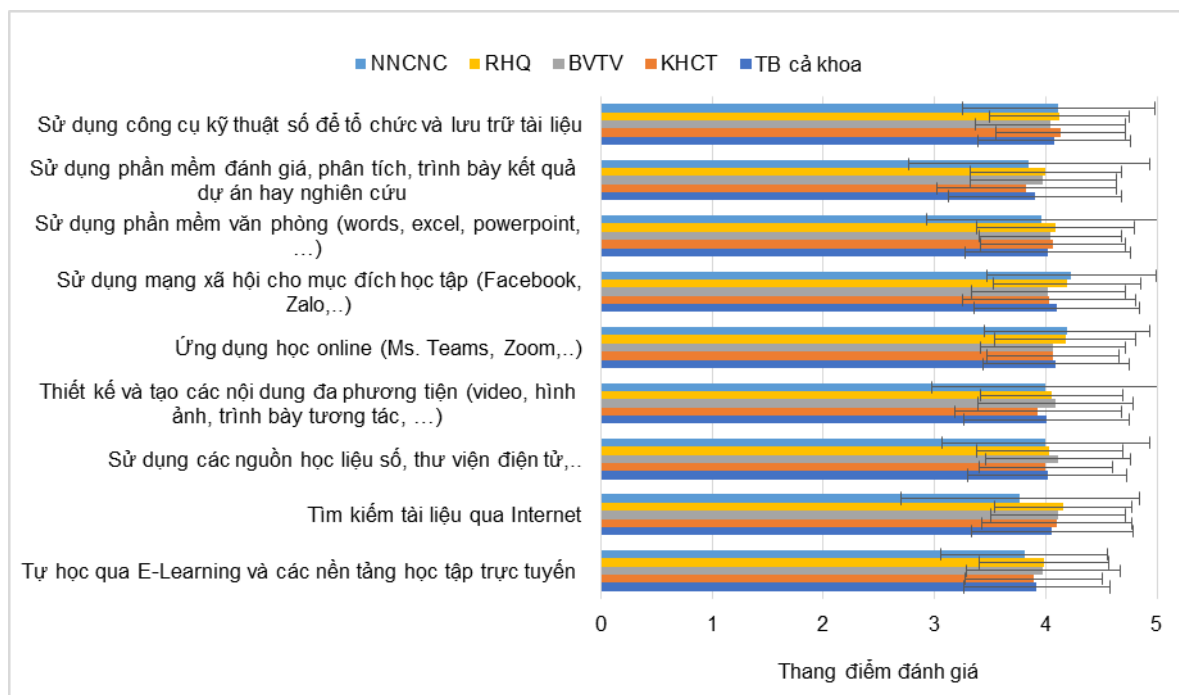
Năng lực kỹ thuật số rất cần thiết trong HTSD, có tới 67-79,1% người dân Việt Nam dùng internet và các thiết bị điện tử (vnetwork, 2023). Kết quả hình 4 cho thấy, đa số SV cho rằng công cụ kỹ thuật số là rất quan trọng trong phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học (4,64). SV tự tin đánh giá tốt các kỹ năng kỹ thuật số của mình về tìm kiếm tài liệu qua Internet (4,05), sử dụng công cụ kỹ thuật

số/phần mềm để tổ chức và lưu trữ tài liệu (4,07). SV sử dụng thành thạo nhất là mạng xã hội cho mục đích học tập và nghiên cứu khoa học (4,1). Sử dụng các ứng dụng để học tập trực tuyến, sử dụng công cụ kỹ thuật số/phần mềm để đánh giá, phân tích, trình bày kết quả dự án hay nghiên cứu của bản thân được đánh giá cao. Kết quả này là phù hợp với thực tế của SV khi đại đa số SV sử dụng công cụ kỹ thuật số hỗ trợ học tập, giải trí một cách hiệu quả. Điều

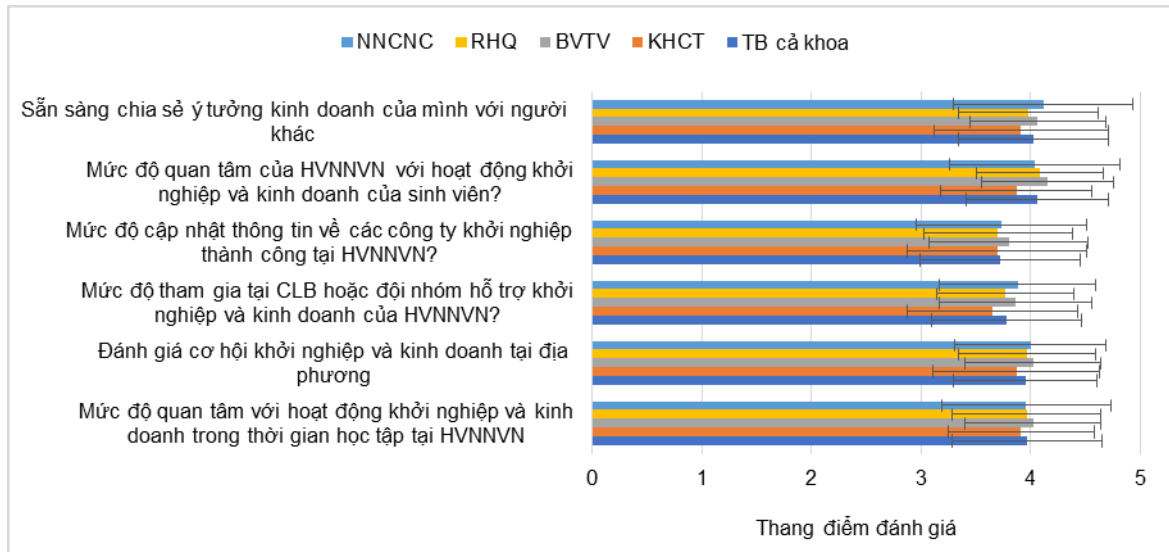
đó cho thấy SV có khả năng tự học tập và tiếp nhận thông tin một cách chủ động, có thể theo các khóa học trực tuyến trên toàn thế giới, thúc đẩy hoạt động HTSD. Tuy nhiên, sinh viên tự đánh giá không cao khả năng sử dụng các phần mềm trong đánh giá, phân tích, trình bày kết quả nghiên cứu khoa học hay dự án (3,9). Do đó, thời gian tới Khoa Nông học cần tổ chức thêm các lớp tập huấn cho sinh viên về các kỹ năng này.



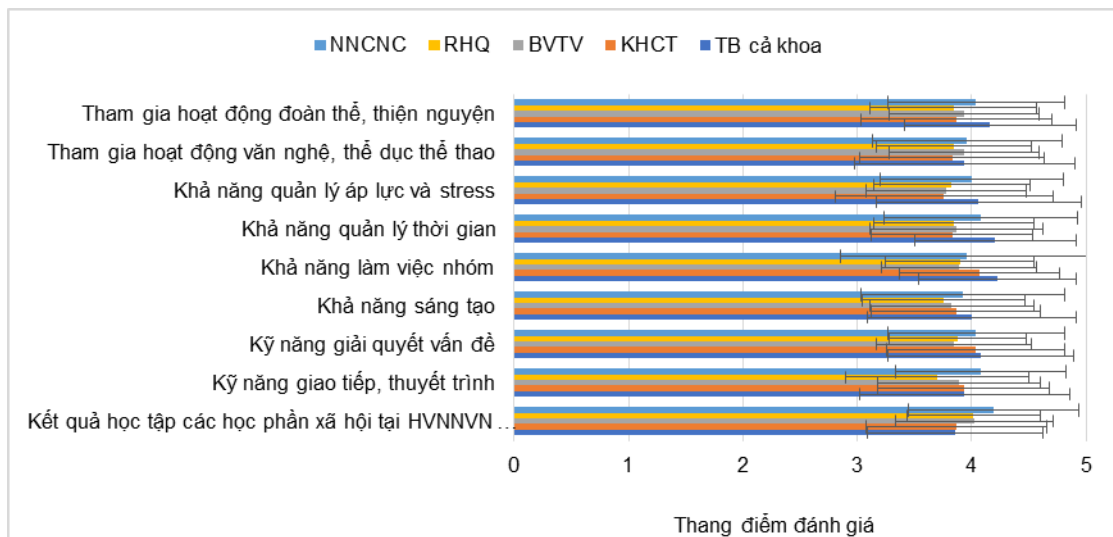
Hình 3. Năng lực ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản của sinh viên Khoa Nông học



Hình 4. Biểu đồ biểu diễn năng lực sử dụng công cụ kỹ thuật số của SV Khoa Nông học



Hình 5. Năng lực khởi nghiệp và kinh doanh của sinh viên Khoa Nông học



Hình 6. Biểu đồ biểu diễn kỹ năng xã hội của SV

### 3.4. Năng lực khởi nghiệp và kinh doanh của Sinh viên

Trong thời đại kinh tế tri thức, các hoạt động như khởi nghiệp và kinh doanh từ giảng đường đại học là rất quan trọng, phản ánh cách học và tiếp nhận thông tin, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. SV đánh giá khởi nghiệp và kinh doanh từ khi còn là sinh viên là rất quan trọng (4,28). SV cũng đánh giá rất cao về sự quan tâm và hỗ trợ của HVNNVN đối với SV có ý định khởi nghiệp và kinh doanh (4,05). Bảng 5 cho thấy, sinh viên cũng sẵn sàng chia sẻ ý tưởng

kinh doanh của mình với giảng viên hoặc các bạn SV khác. Kết quả này cũng phản ánh đúng thực tế: Tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam, từ lãnh đạo Học viện, lãnh đạo các Khoa, Viện, Trung tâm, giảng viên đều quan tâm và tạo điều kiện hỗ trợ SV khởi nghiệp kinh doanh ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Sự thay đổi trong cách dạy và hướng dẫn của giảng viên, cách tiếp nhận thông tin của SV đã góp phần quan trọng trong phát triển năng lực kinh doanh, năng lực cá nhân, xã hội và năng lực học hỏi. Điều này thúc đẩy hoạt động HTSD trong SV (Nguyễn Thị Bích Liễu, 2019; Đỗ Khoa Thúy

Kha, 2022). Đa số SV quan tâm với hoạt động khởi nghiệp và kinh doanh trong thời gian học tập tại Học viện cũng như các cơ hội kinh doanh tại địa phương. Tuy nhiên, số lượng SV tham gia câu lạc bộ hoặc đội nhóm khởi nghiệp còn hạn chế. Do vậy, trong thời gian tới, cần khá nhiều thách thức cần được giải quyết để tăng cường hứng thú và tham gia của SV trong lĩnh vực này, cũng như đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin và hỗ trợ cho SV có ý định khởi nghiệp và kinh doanh. Đây có thể là cơ hội để trường HVNNVN nâng cao chất lượng hỗ trợ và khuyến khích hoạt động khởi nghiệp và kinh doanh của SV trong tương lai.

### 3.5. Thực trạng sử dụng kỹ năng xã hội của sinh viên

Kỹ năng xã hội của SV được Học viện và Khoa Nông học trang bị thông qua các học phần chính trị, xã hội, các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa, giữa khóa, cuối khóa, các lớp học kỹ năng mềm, các hoạt động ngoại khóa, thiện nguyện,... Tất cả dần dần bồi đắp kỹ năng và ý thức xã hội cần thiết cho mỗi SV. Kết quả khảo sát ở hình 6 cho thấy SV đánh giá cao về kỹ năng làm việc nhóm (4,22) và kỹ năng quản lý thời gian (4,2). Do yêu cầu của các ngành thuộc Khoa Nông học, SV phải thường xuyên thực hiện đồ án, dự án nhỏ, rèn nghề, thực tập nghề nghiệp,... theo nhóm nhỏ và nhóm lớn nên SV có nhiều cơ hội rèn luyện nhiều kỹ năng làm việc nhóm và quản lý thời gian hiệu quả, từ đó SV tiến bộ, tự tin dần qua từng năm học. SV cũng đánh giá cao các kỹ năng tham gia hoạt động đoàn thể, thiện nguyện (4,16), kỹ năng giải quyết vấn đề (4,08), kỹ năng quản lý áp lực và stress (4,06). Kết quả này cho thấy, các học phần kỹ năng mềm trong chương trình đào tạo (10 tín chỉ kỹ năng mềm bắt buộc SV hoàn thành trước khi tốt nghiệp) đã có tác dụng không nhỏ với SV, giúp SV có kỹ năng tốt để tự tin tham gia các hoạt động và tự mình giải quyết những vấn đề trong cuộc sống. Kết quả những học phần chính trị, xã hội bắt buộc tại HVNNVN ảnh hưởng tới kỹ năng xã hội SV không được đánh giá cao (3,86). Điều này cho thấy, HV cần thiết thay đổi cách thức giảng dạy các học phần này để hấp dẫn được SV hơn, có hiệu quả hơn đối việc hình thành kỹ năng xã hội

cho SV. Ngoài ra, sinh viên cũng cần phải tự thấy được vai trò, ý nghĩa của các học phần để nâng cao ý thức bản thân, chủ động cập nhật kiến thức, rèn luyện kỹ năng từ các học phần này. Theo Sharples (2000), trường đại học không thể trang bị cho SV tất cả những kỹ năng cần thiết để SV có thể giải quyết được tất cả các vấn đề trong cuộc sống, do vậy, SV phải HTSD để tiếp tục nâng cao kiến thức và kỹ năng của mình.

### 3.6. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và sử dụng tiếng Việt của sinh viên

Thông qua phiếu phỏng vấn trực tiếp sinh viên về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, thu được kết quả như sau: 100% sinh viên được hỏi cho rằng ngoại ngữ ảnh hưởng đến tương lai, sự nghiệp của mình, 53,3% sinh viên đánh giá 4 kỹ năng nghe nói đọc viết ngoại ngữ của bản thân ở mức độ “trung bình”; 30% sinh viên đã từng được tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi quốc tế, 86,7% sinh viên có kế hoạch học tập nâng cao ngoại ngữ.

Về kỹ năng sử dụng tiếng Việt, 43,3% sinh viên được hỏi rất tự tin, 46,7% tự tin khi giao tiếp bằng tiếng Việt, 7% sinh viên thiếu tự tin khi giao tiếp bằng tiếng Việt do nói ngọng hoặc nói giọng địa phương, 80% sinh viên cảm thấy thoải mái khi thảo luận hoặc thuyết trình, 23,3% sinh viên đôi khi cần hỗ trợ sử dụng từ điển tiếng Việt trong trường hợp không hiểu, phân vân một số từ, đọc các văn bản chuyên ngành; 36,7% sinh viên có kế hoạch cải thiện vốn tiếng Việt (thông qua đọc sách chuyên ngành, sách báo hàng ngày, giao tiếp nhiều hơn với bạn bè từ các vùng miền, tham gia các khóa học kỹ năng mềm,...)

Như vậy, mặc dù mặt bằng chung tiếng Anh của SV Khoa Nông học còn thấp do điểm đầu vào thấp, đa số xuất phát từ nông thôn, chưa có nhiều điều kiện tốt nhất để học tiếng Anh, nhưng tất cả SV đều ý thức được tầm quan trọng của tiếng Anh với cuộc sống, công việc sau này nên SV đều có kế hoạch tự học để cải thiện trình độ ngoại ngữ. Đây là nền tảng, là động lực quan trọng giúp SV có thể tự học tập, tự nghiên cứu, tự tìm tài liệu sau này. Không những thế, SV cũng có ý thức trau dồi và nâng cao trình độ tiếng Việt để tự tin hơn khi giao tiếp, thuyết trình, tham gia các hoạt động tập thể.

### 3.7. Kỹ năng tự học của sinh viên Khoa Nông học

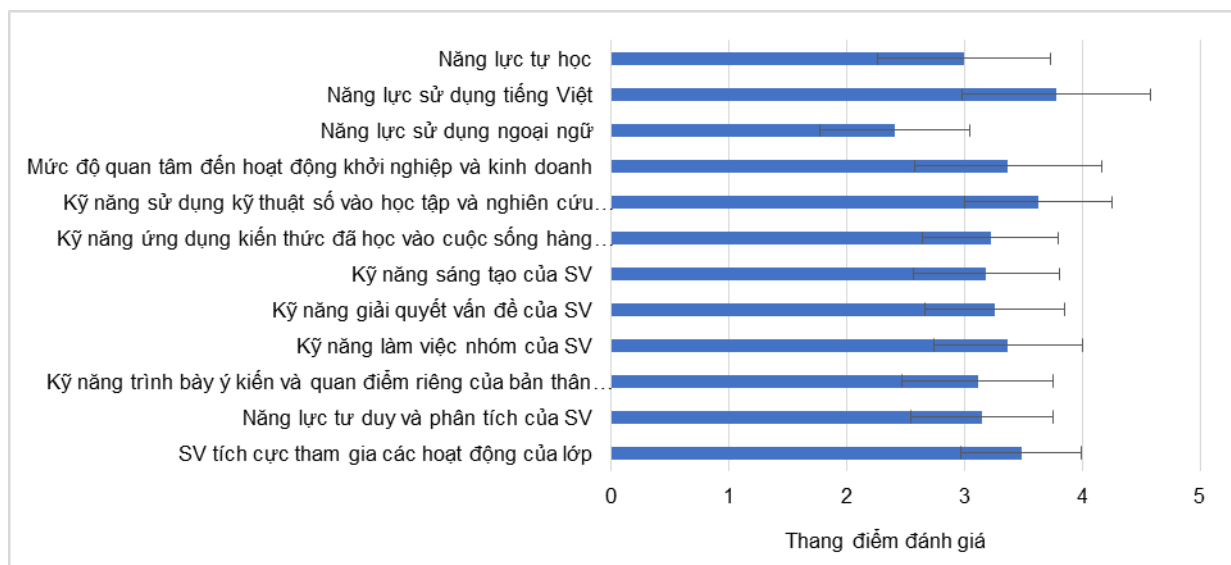
Tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam, toàn bộ các học phần trong chương trình đào tạo đều được thiết kế với thời lượng tự học tối thiểu gấp 3 lần tổng thời lượng của mỗi học phần. Điều này cho thấy, Học viện coi trọng việc tự học với người học. Một trăm phần trăm sinh viên phỏng vấn đều cho rằng việc tự tìm cách học rất quan trọng (76,7%) và quan trọng (23,3%). Kết quả này cao hơn với khảo sát tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (Đào Thị Oanh & cs., 2017, Đỗ Thị Thanh Huyền & cs., 2021). Một trăm phần trăm sinh viên trả lời đã được hướng dẫn cách tìm tài liệu tham khảo: thư viện, máy tính, internet, google, FAO,... Khi cần trang bị thêm 1 kiến thức hoặc kỹ năng mới, sinh viên thường chọn cách tìm hiểu kỹ, tự học, luyện tập chăm chỉ, thực hành cho thành thạo, tìm hiểu trước qua người đã học,... 86,7% sinh viên áp dụng các phương pháp học tập đã được trang bị như: ghi chú, tóm tắt, làm bài tập, ghi âm, quay video, chụp hình, lắng nghe,... để nâng cao kết quả học tập của mình; 80% sinh viên thường xuyên đặt mục tiêu thi kết thúc cuối kỳ được điểm cao, nhận được các học bổng,... 76,7% sinh viên khi rảnh sẽ dành thời gian truy cập internet để tự tìm hiểu thêm về các công cụ, phần mềm hỗ trợ

học tập cho hiệu quả như Microsoft Words, Excel, Power Point,... Tuy vậy, chỉ có 40% sinh viên dành thời gian để tìm hiểu hoạt động não bộ và tối ưu hoá quá trình học tập. Đa số sinh viên (95%) sau khi phỏng vấn đều ý thức và có lời khuyên cho sinh viên khác để tìm cách học tập hiệu quả như: dành thời gian tự học nhiều hơn, cần hiểu bản thân mình, thường xuyên học hỏi, tìm tài liệu, sắp xếp thời gian hợp lý, hỏi ngay khi không hiểu, học tập mỗi khi rảnh.

### 3.8. Đánh giá năng lực học tập suốt đời của sinh viên và việc áp dụng học tập suốt đời sau khi tốt nghiệp đại học

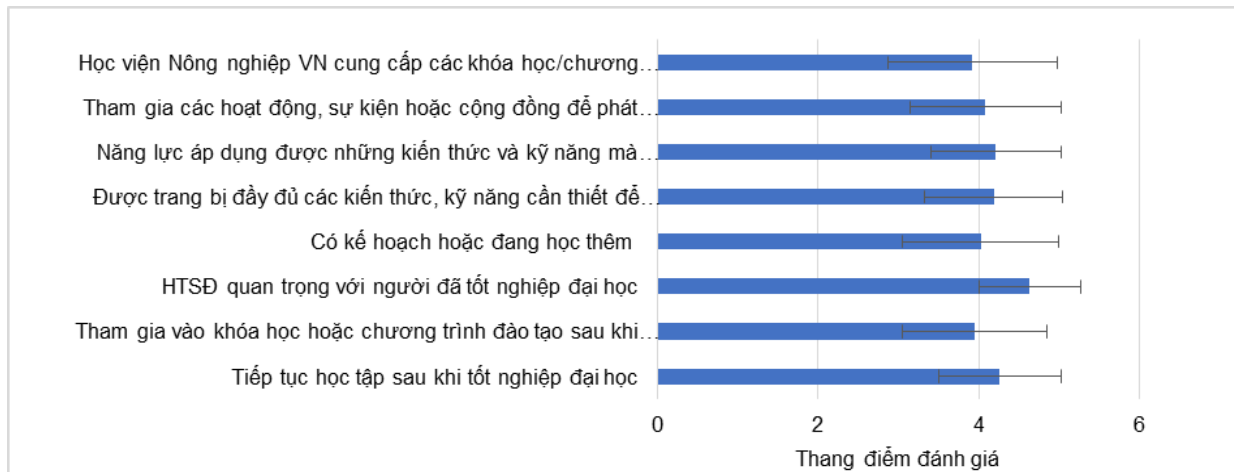
Kết quả đánh giá năng lực học tập suốt đời của sinh viên và việc áp dụng học tập suốt đời sau khi tốt nghiệp đại học được trình bày ở hình 7.

Giảng viên đánh giá SV cao nhất ở khả năng sử dụng tiếng Việt (3,78) và sử dụng kỹ thuật số vào học tập và nghiên cứu khoa học của SV (3,63) và thấp nhất ở khả năng sử dụng ngoại ngữ (2,41). Ngoài ra, giảng viên cũng đánh giá sv khá cao ở các tiêu chí tích cực tham gia các hoạt động của lớp (3,48), quan tâm đến khởi nghiệp và kinh doanh (3,37). Tất cả những hoạt động này cho thấy SV hiện nay đều rất năng động, có nhận thức nhanh nhạy với vấn đề tự học và hoàn toàn có khả năng tự HTSD.



Hình 7. Biểu đồ đánh giá của giảng viên về khả năng HTSD của SV





**Hình 8. Đánh giá của cựu SV về vai trò, tầm quan trọng của HTSD**

Qua khảo sát cựu SV Khoa Nông học về vai trò, tầm quan trọng của HTSD suốt thời gian học đại học và sau khi tốt nghiệp, chúng tôi thu được kết quả tại hình 8. Cựu SV đánh giá cao hoạt động HTSD quan trọng với người đã tốt nghiệp đại học (4,63) cũng như có kế hoạch tiếp tục theo học sau khi tốt nghiệp đại học (4,26). Cựu SV đánh giá cao những hoạt động mà Học viện và Khoa Nông học đã xây dựng nhằm tạo điều kiện cho SV có kiến thức và kỹ năng để HTSD, đồng thời nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của việc học tập liên tục, cập nhật kiến thức và kỹ năng mới để đáp ứng với sự phát triển của xã hội và công nghệ. Điều này cho thấy cựu SV hiểu rõ được việc áp dụng kiến thức đã học vào việc tự học là rất quan trọng để tiếp tục phát triển bản thân và thành công trong sự nghiệp.

### 3.9. Giải pháp thúc đẩy hoạt động học tập suốt đời của sinh viên Khoa Nông học

Tổng hợp các dữ liệu khảo sát, chúng tôi đưa ra một số giải pháp thúc đẩy hoạt động HTSD của sinh viên Khoa Nông học như sau:

#### *Về phía HVNNVN và Khoa Nông học:*

Thứ nhất, tăng cường thời lượng thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp. Đồng thời khuyến khích SV thực hiện dự án, nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi khởi nghiệp, kinh doanh để SV có điều kiện áp dụng nhiều hơn những kiến thức đã học vào thực tế,

tự mình tích lũy kinh nghiệm để tự mày mò, nghiên cứu, học tập kiến thức mới một cách chủ động.

Thứ hai, Khoa Nông học nên tổ chức tập huấn thêm cho SV sử dụng thành thạo các ứng dụng, phần mềm để xử lý, phân tích, đánh giá các kết quả nghiên cứu khoa học như Excel, SPSS, IRRISat,...

Thứ ba, HVNNVN nên xem xét đổi mới cách thức giảng dạy các học phần chính trị, xã hội sao cho hấp dẫn SV hơn để sinh viên thấy được vai trò, ý nghĩa của các học phần này đối với sự phát triển nhân cách toàn diện của người học.

Thứ tư, tổ chức đa dạng hơn nữa các hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa, đặc biệt là các hoạt động trao đổi SV quốc tế, các hoạt động ngoại khóa, cộng đồng để SV có cơ hội nâng cao kỹ năng xã hội của bản thân.

Thứ năm, mở các lớp tiếng Anh miễn phí, forum chia sẻ kinh nghiệm học tập tiếng Anh; tạo ra sân chơi vui vẻ, bổ ích để bồi đắp tình yêu tiếng Việt, nâng cao kỹ năng nói/viết tiếng Việt hiệu quả như các câu lạc bộ, cuộc thi về tiếng Việt,...

Thứ sáu, tiếp tục tập huấn các phương pháp học tập tích cực, tự học, tự nghiên cứu cho SV.

#### *Đối với sinh viên*

Thứ nhất, tự nhận thức vai trò, ý nghĩa của hoạt động học tập suốt đời đối với bản thân trước thách thức của xã hội trong thời đại mới.

Thứ hai, tích cực tham gia các hoạt động “Văn - Thể - Mỹ” các hoạt động thiện nguyện, tham gia các hoạt động trải nghiệm tại doanh nghiệp để nâng cao kỹ năng xã hội của bản thân.

Thứ ba, có kế hoạch nâng cao năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm thông qua hoạt động thúc đẩy HTSD tại trường đại học như năng lực ứng dụng kiến thức cơ bản, năng lực kỹ thuật số, khởi nghiệp kinh doanh, rèn luyện nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng ngoại ngữ, tự học,...

#### 4. KẾT LUẬN

SV Khoa Nông học được HVNNVN, Khoa Nông học trang bị đầy đủ các năng lực, kỹ năng cần thiết để có thể tự học tập, có thể HTSD như: năng lực ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, năng lực sử dụng kỹ thuật số, năng lực khởi nghiệp kinh doanh, kỹ năng giao tiếp xã hội, kỹ năng sử dụng tiếng Việt, ngoại ngữ, kỹ năng tự học,... thông qua các hoạt động học thuật và phi học thuật. Những kỹ năng này đã được Học viện, Khoa Nông học lồng ghép trong chương trình đào tạo và các chương trình ngoại khóa giúp SV hoàn thiện dần dần, cải thiện đáng kể qua từng kỳ học, năm học. Kết quả này phù hợp với báo cáo tự đánh giá theo tiêu chuẩn AUN - QA ngành Khoa học Cây trồng tiên tiến (2018) (tiêu chí 4.3) và Công nghệ Rau - Hoa - Quả - Cảnh quan (2022) (tiêu chí 3.4). Tuy nhiên, Học viện và Khoa cần quan tâm nhiều hơn nữa đến hoạt động HTSD của SV thông qua việc khuyến khích SV tự học, trang bị các kỹ năng cần và đủ cho SV tự học, tự nghiên cứu, bồi đắp tình yêu, sự say mê học tập, nghiên cứu.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đào Thị Oanh & Trịnh Phương Anh (2017). Thực trạng tự học của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. 62(1A): 161-170.

Đặng Hải Đăng (2020). Vai trò của các cơ sở giáo dục

đại học trong việc phát triển E-Learning nhằm thúc đẩy xã hội học tập và HTSD tại Việt Nam. Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, 15(1): 16-24

Đỗ Khoa Thúy Kha (2022). Đánh giá, đo lường và thu thập minh chứng về vấn đề học tập suốt đời để đáp ứng tiêu chuẩn bảo đảm chất lượng cấp chương trình đào tạo. Tạp chí Khoa học và Công nghệ. 58(04): 103-115.

Đỗ Thị Thanh Huyền, Nguyễn Ái Minh Phương (2021). Giải pháp nâng cao hoạt động tự học của SV trường đại học công nghiệp thành phố hồ chí minh trong bối cảnh HTSD. Tạp chí Khoa học và Công nghệ. 53(05): 161-175.

Lê Bảo Vi (2023). Các cách hiệu quả để cải thiện học tập suốt đời (LLL) & vai trò của công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) trong LLL. Seminar Chuyên đề số: cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm ứng dụng trong phương pháp dạy học kết hợp Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyễn Thị Bích Liễu (2019). Học suốt đời, hành trình không ngừng nghỉ của những nhà giáo. Tạp chí Khoa học - Viện Đại học Mở Hà Nội. 60(10): 44-49.

Phạm Thị Lan Phương, Dương Bá Vũ & Nguyễn Hoàng Thiện (2021). Trường đại học phát triển năng lực HTSD cho người học đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp 4.0. Tạp chí Khoa học Quản lý Giáo dục. 01(29): 24-33.

Trần Anh Hoa, Phạm Trà Lam, Đậu Thị Kim Thoa & Trần Thị Phương Thanh (2021). Học tập suốt đời trong thế giới số: góc nhìn từ nghề nghiệp kế toán, kiểm toán. Kinh tế Việt Nam trên con đường chuyển đổi số. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Vnetwork (2023). Xu hướng phát triển Internet Việt Nam năm 2023. Truy cập từ <https://www.vnetwork.vn/news/internet-viet-nam-2023-so-lieu-moi-nhat-va-xu-huong-phat-trien/> ngày 2/6/2023.

Võ Khắc Sơn (2018). Ứng dụng cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong nông nghiệp. Tạp chí Thông tin Khoa học & Công nghệ Quảng Bình. 6: 17-21.

Wassmann R., Phong N.D., Tho T.Q., Hoanh C.T., Khoi N.H., Hien N.X., Vo T.B.T. & Tuong T.P. (2019). High-resolution mapping of flood and salinity risks for rice production in the Vietnamese Mekong Delta. Field Crops Research. 236: 111-120.